TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:146/2017/HNGĐ-ST
Ngày 19/5/2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn''

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Long
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Hữu Tin
2/ Ông Trần Tiến Cường
Thư ký phiên tòa: Ông Phan Chí Công

Ngày 19 tháng 5 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2017 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1989; Trú tại: phường A, thành phố K, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Phước Thu N, sinh năm 1989; Nơi ĐKNKTT: phường A, thành phố K, tỉnh Quảng Nam. Hiện tạm trú: xã L, huyện C, tỉnh G. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn V trình bày:

Tôi và chị Lê Phước Thu N kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống tại phường A, thành phố K, tỉnh Quảng Nam. Sau thời gian sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, không tìm được tiếng nói chung nên hiện nay đang sống ly thân. Hiện tại, tôi thấy tình cảm không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Lê M, sinh ngày 24/01/2014. Con hiện nay chị N đang nuôi dưỡng nên tôi đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Tôi sẽ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Phước Thu N trình bày:

Về hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi xin nuôi con chung là Nguyễn Lê M và đề nghị anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn bà Lê Phước Thu N, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Nguyễn Tấn V và bà Lê Phước Thu N kết hôn năm 2013, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Qua lời trình bày của ông V thì thấy: Ông V và bà N sau khi chung sống một thời gian, do không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng nên phát sinh mâu thuẫn, ông V và bà N không thể tiếp tục sống chung nên đã ly thân, bà N bồng con về sống tại xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tại các phiên hòa giải, ông V kiên quyết ly hôn, về phía bà N không tham dự các phiên hòa giải chứng tỏ không có ý định hàn gắn cuộc sống hôn nhân với ông V. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà N trình bày đồng ý ly hôn với ông V. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V theo Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Ông V và bà N có một con chung là Nguyễn Lê M, sinh ngày 24/01/2014, các bên thống nhất giao cháu M cho bà N nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu M hiện nay đang do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cháu M cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N đề nghị ông V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, mức cấp dưỡng này là phù hợp nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông Nguyễn Tấn V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, còn lại phải nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tấn V về việc "Xin ly hôn".

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn V ly hôn với bà Lê Phước Thu N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê M, sinh ngày 24/01/2014 cho bà Lê Phước Thu N chăm sóc, nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Tấn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 6/2017 đến khi cháu Nguyễn Lê M đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Lê Phước Thu N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Tấn V không thi hành đầy đủ mức cấp dưỡng trên thì hằng tháng phải chịu lãi chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chậm cấp dưỡng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Án phí: Ông Nguyễn Tấn V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002550 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ. Ông Nguyễn Tấn V phải nộp án phí còn lại là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Tam Kỳ;
- Cơ quan THADS TP Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Tấn Long